

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 1908/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố T, ngày 02 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 955/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 3 Đường 102, Tổ 4, Khu phố 7, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 3 Đường 102, Tổ 4, Khu phố 7, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quang N và bà Lê Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Ngọc Ngân L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2008 và Lê Ngọc Ngân P, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2010. Bà Lê Thị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Ông Lê Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11 năm 2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Lê Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quang N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng

còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Quang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì bà Lê Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Lê Quang N.

Bà Lê Thị C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lê Quang N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Lê Quang N, bà Lê Thị C mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn, ông Lê Quang N phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Quang N tự nguyện nộp thay án phí ly hôn cho bà Lê Thị C và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Lê Quang N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2019/0047918 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Quang N, bà Lê Thị C đã nộp đủ án phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 1, đăng ký ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tc;
- UBND phường A, TP. T, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Khê